

Số: TVHV-17/THOA

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 6 năm 2026

## **BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA TỈNH THANH HÓA**

### **1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, sông Bưởi):  
Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều): dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mực nước trung bình tuần tại các trạm phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ, riêng hạ lưu một số trạm ở mức thấp hơn như tại trạm TV Lý Nhân trên sông Mã, tại trạm TV Xuân Khánh trên sông Chu, tại trạm TV Kim Tân trên sông Bưởi, tại trạm TV Lang Chánh trên sông Âm.

#### **Tình hình hồ chứa:**

Mực nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/11/6 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 156.39m, thấp hơn so với MNDBT là 3.61m, đạt 87.5% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 92.23m, thấp hơn MNDBT là 17.77m, đạt 56.3% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hòa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 221.75m, thấp hơn so với MNDBT là 18.25m, đạt 45.2% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 29.72m, thấp hơn MNDBT là 3.28m, đạt 64.9% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 16.02m, thấp hơn MNDBT là 4.34m, đạt 56.1% so với dung tích được tích.

### **2. Dự báo, cảnh báo:**

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi):  
Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mực nước lớn nhất tuần có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tuần, mực nước nhỏ nhất tuần có khả năng xuất hiện vào thời kỳ đầu tuần, mực nước trung bình tuần tại các trạm phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ, riêng hạ lưu sông Mã, sông Chu, sông Âm ở mức thấp hơn.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mức nước lớn nhất tuần ở mức cao hơn so với tuần trước và có khả năng xuất hiện vào những ngày giữa tuần; mức nước nhỏ nhất tuần ở mức thấp hơn so với tuần trước và có khả năng xuất hiện vào những ngày giữa tuần; mức nước trung bình tuần ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng mưa lớn cục bộ có thể gây lũ quét trên các sông suối nhỏ, sạt lở đất trên sườn dốc và ngập úng khu vực trũng thấp, các khu đô thị.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Lũ quét, sạt lở, sụt lún đất có thể gây tác động rất xấu đến môi trường, uy hiếp tính mạng, tài sản của người dân; phá hủy các công trình dân sinh, kinh tế, gây thiệt hại cho các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế-xã hội, gây tắc nghẽn giao thông cục bộ, làm ảnh hưởng tới quá trình di chuyển của các phương tiện.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 21/6/2026**

**Tin phát lúc: 15h55 ngày 11/6/2026.**

Dự báo viên: Nguyễn Danh Lam.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

**Phụ lục 1**  
**Bảng 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm.**

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16433	16456	16408	16435	16460	16410	16440	16480	16415	16438	16480	16410
-	Hồi Xuân	5414	5472	5346	5415	5480	5345	5420	5500	5350	5418	5500	5345
-	Cầm Thủy	1198	1285	1132	1200	1290	1135	1205	1300	1140	1203	1300	1135
-	Lý Nhân	204	285	135	205	295	135	210	310	140	208	310	135
-	Giàng	35	170	-92	40	180	-105	45	200	-115	43	200	-115
-	Quảng châu	11	142	-114	15	150	-115	20	170	-125	18	170	-125
Lèn	Lèn	76	216	-50	80	220	-65	85	240	-75	83	240	-75
-	Cụ Thôn	64	201	-59	70	210	-75	75	230	-85	73	230	-85
Âm	Lang Chánh	4693	4720	4675	4695	4730	4675	4700	4740	4680	4698	4740	4675
Chu	Cửa Đạt	2721	2753	2654	2725	2755	2655	2730	2760	2660	2728	2760	2655
-	Bái Thượng	1059	1127	1012	1060	1130	1015	1065	1140	1020	1063	1140	1015
-	Xuân Khánh	105	184	51	110	190	55	115	200	60	113	200	55
Bưởi	Thạch Quảng	699	781	675	705	790	675	710	800	680	708	800	675
-	Kim Tân	286	351	245	290	360	245	295	370	250	293	370	245
Yên	Chuối	24	95	-47	30	105	-55	35	120	-65	33	120	-65
-	Ngọc Trà	16	118	-113	20	120	-115	25	140	-125	23	140	-125

**Ghi chú:** TBNN: Trung bình nhiều năm; MNDBT: Mực nước dâng bình thường;  
DTTK: Dung tích thiết kế.

**Phụ lục 2**  
**Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm.**



